

DOI: 10.62829/VNHN.366.41.45

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ LƯU TRỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✍️ ThS. Hoàng Văn Thanh

● **TÓM TẮT:** Ở Việt Nam, Pháp luật lưu trữ là hệ thống văn bản gồm Luật Lưu trữ và các văn bản dưới luật, trong đó có các văn bản hướng dẫn do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức thực hiện thống nhất nội dung của hoạt động lưu trữ. Bài viết tìm hiểu thực trạng pháp luật về Lưu trữ ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về lưu trữ ở Việt Nam hiện nay: (1) Hoàn thiện quy định về quản lý tài liệu điện tử, (2) Hoàn thiện quy định về quản lý tài liệu lưu trữ tư.

● **Từ khóa:** Luật Lưu trữ, quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, quản lý tài liệu lưu trữ tư.

● **ABSTRACT:** In Vietnam, the Law on Archives is a system of documents including the Law on Archives and sub-law documents, in which there are guiding documents issued by line ministries, which are the legal basis. for agencies and organizations to unify the contents of archival activities. The article explores the legal status of Archives in Vietnam. On that basis, the author proposes solutions to improve the current law on archiving in Vietnam: (1) Completing regulations on electronic document management, (2) Improving regulations on management private archival documents.

● **Keywords:** Law on Archives, management of electronic archives, management of private archives, management of archival service operations.

Ngày nhận bài: 30/6/2025 Ngày bình duyệt: 04/7/2025 Ngày duyệt đăng: 10/7/2025

1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ LƯU TRỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chính sách pháp luật lưu trữ là hoạt động có căn cứ khoa học, nhất quán và hệ thống của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xây dựng cơ chế điều chỉnh pháp luật về lưu trữ có hiệu quả, sử dụng văn minh các phương tiện pháp luật về lưu trữ để đạt được mục tiêu bảo đảm, bảo vệ đầy đủ nhất các quyền và tự do của con người và của công dân trong lĩnh vực lưu trữ, xây dựng và phát triển nhà nước pháp quyền,

hình thành và xây dựng xã hội pháp quyền, xây dựng và phát triển văn hóa pháp luật về lưu trữ và đời sống pháp luật của xã hội và của cá nhân.

Hệ thống pháp luật lưu trữ là hệ thống văn bản gồm Luật Lưu trữ và các văn bản dưới Luật, là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức thực hiện thống nhất các nội dung của hoạt động lưu trữ.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, trong hoạt động của ngành lưu

trữ thời gian qua, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành hàng trăm văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, chỉ đạo về công tác lưu trữ. Hệ thống pháp luật lưu trữ khẳng định vị trí, vai trò của công tác lưu trữ trong sự chỉ đạo, điều hành và hoạt động của hệ thống các cơ quan Đảng, nhà nước, phục vụ nhu cầu chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, lịch sử và đời sống xã hội....

Văn bản quy phạm pháp luật về lưu trữ đã được ban hành là Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia năm 1982, năm 2001. Văn bản có giá trị pháp lý cao nhất đang có hiệu lực thi hành là Luật Lưu trữ năm 2011 (gọi tắt là Luật Lưu trữ) có hiệu lực tháng 7/2012. Nghị định của Chính phủ năm 1962, 1963, 1995, 2004, 2013), các Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của các bộ...

Luật Lưu trữ là luật về một lĩnh vực chuyên ngành nhưng chưa có các điều, khoản giao cho cơ quan nhà nước có đủ thẩm quyền chủ trì hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan nghiên cứu, ban hành văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể...

Thực tế, hệ thống văn bản pháp lý về lĩnh vực lưu trữ vẫn còn thiếu và chưa đáp ứng, chưa thống nhất với hệ thống văn bản pháp lý của ngành, lĩnh vực có liên quan. Hiện nay, hình thức tiếp cận thông tin quy định trong Luật Lưu trữ và Luật tiếp cận thông tin chưa có sự thống nhất: khoản 2 Điều 30 Luật Lưu trữ quy định về tài liệu hạn chế sử dụng gồm “*tài liệu bị hư hỏng nặng, tài liệu đang trong quá trình xử lý nghiệp vụ và tài liệu không thuộc bí mật nhà nước nhưng có nội dung thông tin nếu sử dụng rộng rãi có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”[3]. Luật Tiếp cận thông tin quy định *ba loại thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện*”.[5]

Trong Luật Lưu trữ các quy định về quản lý tài liệu điện tử, số hóa tài liệu tại Lưu trữ cơ quan, quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ, việc đưa tài liệu lưu trữ ra khỏi Lưu

trữ lịch sử,... chưa được tổ chức thực hiện, chậm ban hành, hiệu quả thấp. . Đặc biệt, văn bản pháp lý về quản lý TLLT điện tử và lập hồ sơ, giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan, lưu trữ Lịch sử ở Việt Nam còn thiếu. Điều 13 Luật Lưu trữ quy định về tài liệu điện tử, tuy nhiên chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ về quản lý tài liệu điện tử như: khoản 1 giải thích khái niệm “*Tài liệu lưu trữ điện tử là tài liệu được tạo lập ở dạng thông điệp dữ liệu hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được lựa chọn để lưu trữ hoặc được số hóa từ tài liệu trên vật mang tin khác*”. [3] Khoản 2 quy định “*Tài liệu lưu trữ điện tử phải đáp ứng các tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ riêng biệt*”.[3] Khoản 3 quy định: “*Tài liệu được số hóa từ tài liệu lưu trữ trên các vật mang tin khác không có giá trị thay thế tài liệu đã được số hóa*”.[3] Nội dung này chưa làm rõ là những tài liệu nào được thay thế và tài liệu nào không được thay thế. Hơn nữa, điều 2 Luật Lưu trữ quy định “*lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử là tổ chức thực hiện hoạt động lưu trữ đối với tài liệu lưu trữ*”[3], song trên thực tế, với sự hình thành của tài liệu lưu trữ đang có sự tham gia tích cực của doanh nghiệp với vai trò cung cấp phần mềm, hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho hệ thống quản lý tài liệu điện tử của các cơ quan, tổ chức. Do vậy, toàn bộ dữ liệu hồ sơ, tài liệu điện tử đã và đang được quản lý bởi các doanh nghiệp công nghệ nhưng thực tế Luật Lưu trữ chưa có quy định về vấn đề này.

Điều 13, Luật Lưu trữ quy định về khung pháp lý làm cơ sở cho việc ban hành Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ. Các hoạt động nghiệp vụ đối với tài liệu điện tử như: xác định giá trị tài liệu, tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào, thu thập, tiêu hủy, bảo quản, sử dụng tài liệu điện tử, bảo đảm an toàn và bảo mật tài liệu điện tử được

quy định tại Nghị định này. Tuy nhiên, để đáp ứng xu hướng của sự phát triển khoa học-công nghệ cũng như sự hình thành và phát triển của tài liệu điện tử trong giai đoạn hiện nay thì cần có quy định về thu thập tài liệu vào lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử qua hệ thống (kết nối liên thông từ giai đoạn văn thư); quy định về việc khai thác tài liệu điện tử như thủ tục, kinh phí và thẩm quyền cho khai thác; quy định về hệ thống tài liệu điện tử.

2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ LƯU TRỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chính sách pháp luật là một hệ thống các ưu tiên trong hoạt động pháp luật, trong lĩnh vực pháp luật, được thể hiện phần lớn trong các văn bản pháp luật và hệ tư tưởng pháp luật của một quốc gia cụ thể. Pháp luật luôn đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động quản lý nhà nước. Do đó, pháp luật Lưu trữ ở Việt Nam phải được hoàn thiện trên cơ sở thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc quản lý nhà nước về tài liệu lưu trữ cũng như các hoạt động lưu trữ để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính và hội nhập quốc tế. Luật Lưu trữ phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành Bộ Luật dân sự, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật tiếp cận thông tin, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Di sản văn hóa.... Luật Lưu trữ phải đảm bảo nguyên tắc Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động lưu trữ và phải quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, yêu cầu đối với các nội dung nghiệp vụ cơ bản, những nội dung mang tính nghiệp vụ chuyên sâu sẽ được giao cho Chính phủ và Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan quy định, hướng dẫn cụ thể. Luật Lưu trữ được xây dựng trên cơ sở tham khảo có chọn lọc nội dung các quy định pháp lý hiện hành về lưu trữ của các nước trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam và xu thế hội nhập quốc tế.

Một là, hoàn thiện các quy định về

quản lý tài liệu lưu trữ điện tử. Để thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng là Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thành các nội dung quy định cụ thể trong Luật Lưu trữ. Nội dung quy định phải bảo đảm cơ sở pháp lý và tính khả thi cho việc lưu trữ tài liệu điện tử, bảo đảm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ lưu trữ tài liệu điện tử. Khi xây dựng Hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các tính năng hỗ trợ việc thực hiện quy trình nghiệp vụ lưu trữ; bảo đảm tính xác thực, tin cậy, toàn vẹn của văn bản, tài liệu lưu hành và lưu trữ trong hệ thống; khả năng truy cập, sử dụng văn bản, tài liệu, hồ sơ theo thời hạn bảo quản; khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các hệ thống khác có chuẩn đầu vào theo quy định của các cơ quan, nhà nước; bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước. Cụ thể:

- Tại Khoản 3 Điều 13 Luật lưu trữ bổ sung quy định: tài liệu được số hóa từ tài liệu lưu trữ trên các vật mang tin khác không có giá trị thay thế tài liệu đã được số hóa bao gồm tài liệu có thời hạn bảo quản vĩnh viễn và tài liệu bảo quản có thời hạn từ 20 năm trở lên.

- Bổ sung quy định về việc số hóa tài liệu tại Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử.

- Việc tham gia của các doanh nghiệp công nghệ là tất yếu để góp phần quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu về tài liệu lưu trữ. Vì vậy Luật Lưu trữ cần quy định cho phép doanh nghiệp tham gia quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu về tài liệu lưu trữ cũng như quy định về điều kiện, trách nhiệm của doanh nghiệp khi tham gia. Đồng thời có điều khoản giao Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc công nhận các doanh nghiệp đủ điều kiện.

Quy định về việc quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử đáp ứng yêu cầu về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước. Đây là nội dung quan trọng vì hiện nay chưa có quy định về chia sẻ, kết nối thông tin giữa các kho lưu trữ lịch sử, chưa có quy định của nhà nước cho phép thành lập cơ quan lưu trữ để tích hợp, chia sẻ, bảo hiểm dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Quy định về hoạt động lưu trữ đối với tài liệu điện tử: thu thập tài liệu qua Hệ thống, chỉnh lý tài liệu điện tử, tổ chức sử dụng tài liệu điện tử, bảo quản tài liệu điện tử.

Hai là, hoàn thiện các quy định về quản lý tài liệu lưu trữ tư nhằm tạo hành lang pháp lý cho lưu trữ công, lưu trữ tư đồng thời xác định rõ phạm vi, thẩm quyền đối với các tổ chức lưu trữ này. Bảo đảm nhà nước quản lý thống nhất về nghiệp vụ công tác lưu trữ không phân biệt lưu trữ công, lưu trữ tư.

Luật Lưu trữ sửa đổi cần bổ sung các quy định:

- Giải thích từ ngữ Lưu trữ tư: lưu trữ tư bao gồm tài liệu lưu trữ và hoạt động lưu trữ của các cá nhân, gia đình, dòng họ, công ty, doanh nghiệp, tổ chức xã hội do tư nhân thành lập và quản lý. Quy định phạm vi tài liệu lưu trữ tư so với tài liệu lưu trữ công.

Ví dụ: Luật Lưu trữ của Pháp quy định “tài liệu lưu trữ công bao gồm tài liệu hình thành trong hoạt động của nhà nước, các cơ quan công quyền, bản chính, bản gốc hồ sơ của công chức hay viên chức tư pháp; còn tài liệu lưu trữ tư bao gồm tài liệu được sản sinh bởi thể nhân hoặc cơ quan, tổ chức tư trong quá trình hoạt động của mình không phân biệt thời gian sản sinh, nơi bảo quản, hình thức và vật mang tin”; Điều 9 Luật Lưu trữ Nga quy định tài liệu thuộc quyền sở hữu tư nhân bao gồm: “1. Tài liệu các tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Liên bang Nga và không phải là các tổ chức

nhà nước hoặc của chính quyền tự quản địa phương, trong đó bao gồm các tổ chức xã hội tính từ ngày đăng ký theo luật pháp Liên bang Nga về các tổ chức xã hội và các tổ chức tôn giáo sau khi tách nhà thờ ra khỏi nhà nước. 2. Tài liệu do công dân làm ra hoặc có một cách hợp pháp”. [7]

Có thể thấy việc xác định phạm vi tài liệu lưu trữ công và tư trong Luật Lưu trữ của các nước, tuy có khác nhau chi tiết về diễn đạt nhưng đều có những điểm chung rất cơ bản: tài liệu lưu trữ công là tài liệu được hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước, cơ quan công quyền, bao gồm cả tài liệu của doanh nghiệp nhà nước; tài liệu lưu trữ tư là tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức tư nhân, tổ chức phi chính phủ và của cá nhân. Việc xác định rõ phạm vi tài liệu lưu trữ tư có ý nghĩa quan trọng, trên cơ sở đó quyền sở hữu tài liệu tư được quy định.

- Nguyên tắc quản lý tài liệu lưu trữ tư theo hướng tự chủ quản lý tại tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tài liệu, quyền thành lập lưu trữ tư.

- Quy định về việc chủ sở hữu tài liệu có thể ký gửi tài liệu vào Lưu trữ lịch sử hoặc Lưu trữ lịch sử cho thuê dịch vụ bảo quản theo yêu cầu của chủ sở hữu.

- Quy định về nghĩa vụ áp dụng các biện pháp bảo quản của cơ quan quản lý hành chính lưu trữ đối với tài liệu lưu trữ cần bảo mật trong điều kiện bảo quản kém hoặc vì những nguyên nhân khác mà tài liệu lưu trữ có thể bị hủy hoại nghiêm trọng hoặc mất an toàn; Quy định về việc nhà nước có thể trưng dụng, trưng mua tài liệu lưu trữ tư trong các trường hợp cần thiết. Quy định các trường hợp có thể trưng dụng tài liệu (như nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường cho các tổ chức tư nhân theo giá thị trường vì lý do

quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp).

- Quy định quyền lợi và trách nhiệm của chủ sở hữu trong việc công bố tài liệu.

- Quy định về việc tiếp cận tài liệu lưu trữ tư.

- Quy định về việc mang tài liệu lưu trữ tư ra nước ngoài.

- Đối với việc lưu trữ tập trung tại các cơ sở lưu trữ tư cần quy định phạm vi hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức lưu trữ tư. Hiện nay, chưa có quy định cụ thể để điều chỉnh hoạt động của lưu trữ tư cũng như chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với loại hình này. Bổ sung quy định về điều kiện thành lập lưu trữ tư: cơ sở

vật chất, nhân lực, kinh phí khi thành lập và kinh phí để duy trì hoạt động lâu dài của lưu trữ tư; thẩm quyền quản lý tài liệu khi các cơ sở này giải thể, phá sản.

- Quy định thu phí ký gửi tài liệu vào Lưu trữ lịch sử.

Tóm lại, Luật Lưu trữ là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật về lưu trữ. Luật Lưu trữ được điều chỉnh hoàn thiện những vấn đề cơ bản trong quản lý công tác lưu trữ và hoạt động nghiệp vụ lưu trữ như trên góp phần quan trọng trong việc nâng cao ý thức, trách nhiệm pháp luật đối với công tác lưu trữ của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nhờ đó hoạt động quản lý nhà nước về công tác lưu trữ và hoạt động nghiệp vụ lưu trữ ngày càng được tăng cường và nền nếp hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Nội vụ (2006), Thông tư số 04/2006/TT-BNV ngày 11/4/2006 Hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức là nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ lịch sử các cấp;

[2]. Chính phủ (2013), Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

[3]. Quốc hội (2011), Luật Lưu trữ;

[4]. Quốc hội (2013), Luật Di sản văn hóa;

[5]. Quốc hội (2016), Luật Tiếp cận thông tin;

[6]. Quốc hội (2018), Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

[7]. <https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/luu-tru-the-gioi-va-nhung-bai-hoc-kinh-nghiem-quy-gia-ky-2.htm>